

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.M08249	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/06/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	3.00	1.25	5.75	10.00	10.00	
2	THV.M08250	Lê Thị Ngọc	Anh	22/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	903	3.50	1.00	5.75	10.25	10.50	
3	THV.M08251	Hồ Kiều	Anh	09/06/91	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	903	4.00	0.25	7.00	11.25	11.50	
4	THV.M08252	Nguyễn Thị Lan	Anh	10/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	6.00	1.25	5.25	12.50	12.50	
5	THV.M08254	Nguyễn Thị Lan	Anh	19/04/90	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	3.00	1.00	7.00	11.00	11.00	
6	THV.M08255	Trần Thị	Anh	25/03/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	903	4.50	2.00	5.00	11.50	11.50	
7	THV.M08256	Nguyễn Khánh Quỳnh	Anh	02/09/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	903	6.50	0.25	5.50	12.25	12.50	
8	THV.M08257	Lý Kiều	Anh	11/09/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	5.50	1.50	7.00	14.00	14.00	
9	THV.M08258	Nguyễn Thị Vân	Anh	17/08/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	3.50	1.00	5.50	10.00	10.00	
10	THV.M08259	Tạ Thị Vân	Anh	14/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	2.00	0.25	7.00	9.25	9.50	
11	THV.M08261	Lê Thị Ngọc	ánh	15/03/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	3.50	1.00	5.25	9.75	10.00	
12	THV.M08262	Ngô Thị	ánh	12/01/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1		2.50	1.25	6.00	9.75	10.00	
13	THV.M08263	Phạm Thị Ngọc	ánh	01/11/86	Nữ	Huyện Hạ Hoà		2	903	1.00	0.25	6.50	7.75	8.00	
14	THV.M08264	Dương Thị Ngọc	ánh	05/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.00	4.25	6.50	13.75	14.00	
15	THV.M08266	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	18/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	903	4.00	2.00	7.75	13.75	14.00	
16	THV.M08269	Nguyễn Thị	Bằng	02/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	5.00	2.00	5.50	12.50	12.50	
17	THV.M08270	Nguyễn Thị	Bích	17/07/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	3.00	1.25	4.25	8.50	8.50	
18	THV.M08271	Hoàng Thị	Bích	28/09/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	903	3.50	1.50	5.75	10.75	11.00	
19	THV.M08272	Vũ Thị	Bích	21/01/90	Nữ	Huyện Bát Xát		1	903	3.00	1.00	4.75	8.75	9.00	
20	THV.M08273	Nguyễn Thanh	Bình	20/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	5.00	2.75	6.75	14.50	14.50	
21	THV.M08276	Lý Thị	Cách	04/06/89	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	903	4.00	1.00	6.50	11.50	11.50	
22	THV.M08277	Hà Thị	Cánh	11/03/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	903	5.00	0.50	6.00	11.50	11.50	
23	THV.M08278	Nguyễn Thị	Chang	09/03/92	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	903	3.50	1.25	5.25	10.00	10.00	
24	THV.M08280	Lù Seo	Chánh	01/04/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	903	2.50	2.75	6.50	11.75	12.00	
25	THV.M08283	Lý Thị	Chi	07/10/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	903	2.50	1.00	4.50	8.00	8.00	
26	THV.M08284	Trịnh Thị Kim	Chi	07/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	903	3.00	0.50	7.00	10.50	10.50	
27	THV.M08286	Nguyễn Thị	Chinh	07/11/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	903	4.00	0.00	4.50	8.50	8.50	
28	THV.M08287	Đặng Thị	Chinh	17/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	903	5.00	1.25	5.25	11.50	11.50	
29	THV.M08289	Chu Thị	Chuyên	08/10/90	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	903	4.50	1.50	5.00	11.00	11.00	
30	THV.M08291	Hoàng Thị	Chưa	14/10/89	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	2.50	2.25	6.00	10.75	11.00	
31	THV.M08293	Trần Thị Kim	Cúc	12/11/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	903	3.50	1.00	5.25	9.75	10.00	
32	THV.M08294	Nguyễn Thị	Cúc	01/05/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	903	2.50	0.50	6.00	9.00	9.00	
33	THV.M08297	Nguyễn Thị Kim	Cúc	27/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	3.50	0.75	6.00	10.25	10.50	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
34	THV.M08299	Ma Thị	Diễn	25/11/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	903	3.50	1.25	6.25	11.00	11.00	
35	THV.M08303	Trần Thị Hồng	Diệp	02/05/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	903	2.50	3.00	6.25	11.75	12.00	
36	THV.M08304	Lưu Thị	Diệp	09/08/90	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	903	3.00	1.25	5.75	10.00	10.00	
37	THV.M08305	Đỗ Thuý	Diệu	20/10/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1		4.00	1.00	6.25	11.25	11.50	
38	THV.M08307	Trần Thị Thu	Diệu	19/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	903	3.50	0.50	4.75	8.75	9.00	
39	THV.M08308	Nguyễn Thị	Doan	22/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	3.00	2.50	7.00	12.50	12.50	
40	THV.M08310	Thiều Thị Thuỳ	Dung	01/05/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	3.00	0.75	4.75	8.50	8.50	
41	THV.M08311	Triệu Bích	Dung	19/10/89	Nữ	Huyện Bắc Hà	01	1		2.50	0.00	3.50	6.00	6.00	
42	THV.M08312	Tải Thị	Dung	15/09/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		4.00	1.00	5.75	10.75	11.00	
43	THV.M08314	Giang Thuỳ	Dung	09/09/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		4.00	1.75	4.50	10.25	10.50	
44	THV.M08315	Sùng Thị	Dung	24/10/86	Nữ	Huyện Xi Ma Cai	01	1		2.50	0.50	3.00	6.00	6.00	
45	THV.M08316	Nguyễn Hoài	Dung	03/01/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	3.00	0.00	5.00	8.00	8.00	
46	THV.M08317	Hà Thị Kim	Dung	11/07/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	903	5.00	0.25	5.50	10.75	11.00	
47	THV.M08318	Ma Thị	Dung	20/11/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		2.00	1.00	5.75	8.75	9.00	
48	THV.M08319	Phùng Thị	Dung	18/03/90	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	903	1.50	1.50	3.75	6.75	7.00	
49	THV.M08320	Nguyễn Thị	Dung	10/04/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	2.50	0.25	5.75	8.50	8.50	
50	THV.M08322	Đoàn Thị	Dung	05/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	3.50	1.75	7.25	12.50	12.50	
51	THV.M08324	Trình Thuỳ	Dung	03/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	3.00	6.00	5.00	14.00	14.00	
52	THV.M08327	Lê Thị	Duyên	05/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	903	2.50	0.50	5.25	8.25	8.50	
53	THV.M08329	Nguyễn Thị	Duyên	14/04/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	2.00	0.00	5.25	7.25	7.50	
54	THV.M08331	Nguyễn Thị	Duyên	25/07/89	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	3.00	0.75	5.50	9.25	9.50	
55	THV.M08332	Bùi Thị Thuỳ	Dương	02/12/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		4.50	1.50	5.75	11.75	12.00	
56	THV.M08334	Trương Thị Thuỳ	Dương	27/08/90	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	903	2.00	0.00	4.75	6.75	7.00	
57	THV.M08336	Hoàng Thị	Đào	10/05/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	4.00	2.00	6.25	12.25	12.50	
58	THV.M08337	Đỗ Thị Anh	Đào	28/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	4.00	0.75	6.00	10.75	11.00	
59	THV.M08340	Phạm Thị	Diệp	00/08/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	2.50	1.25	5.00	8.75	9.00	
60	THV.M08341	Nguyễn Thị	Diệp	13/11/89	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	903	2.50	1.25	5.75	9.50	9.50	
61	THV.M08343	Vũ Thị	Định	13/11/89	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	2.50	1.25	6.00	9.75	10.00	
62	THV.M08344	Võ Thị	Định	26/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	4.00	2.50	5.50	12.00	12.00	
63	THV.M08345	Hoàng Thị	Đoàn	16/07/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		1.50	0.00	5.25	6.75	7.00	
64	THV.M08346	Trịnh Thị Kết	Đoàn	10/12/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	06	1	903	1.50	0.50	4.00	6.00	6.00	
65	THV.M08347	Bùi Thu	Đông	24/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	903	5.00	2.25	6.75	14.00	14.00	
66	THV.M08348	Nguyễn Thị Hải	Đường	01/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	4.00	1.00	4.25	9.25	9.50	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
67	THV.M08350	Nguyễn Thị	Giang	02/10/91	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1	903	2.50	0.25	4.50	7.25	7.50	
68	THV.M08351	Đỗ Thị Phan	Giang	23/04/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	903	2.00	0.00	5.25	7.25	7.50	
69	THV.M08353	Phạm Thị	Giang	15/10/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		5.00	3.00	5.75	13.75	14.00	
70	THV.M08354	Ngô Thị Hương	Giang	03/07/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	903	3.00	0.75	6.25	10.00	10.00	
71	THV.M08355	Hoàng Thị Hương	Giang	20/08/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	903	2.00	0.75	5.75	8.50	8.50	
72	THV.M08356	Khuông Thị	Giang	20/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	4.50	2.25	5.00	11.75	12.00	
73	THV.M08357	Nguyễn Thị Thuỳ	Giang	24/10/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	903	3.50	1.00	6.50	11.00	11.00	
74	THV.M08358	Hoàng Thị Thu	Giang	26/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	903	5.00	1.50	5.25	11.75	12.00	
75	THV.M08362	Vàng Thị	Giàng	04/03/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		2.50	1.25	5.00	8.75	9.00	
76	THV.M08363	Hoàng Thị	Giỏi	16/12/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	2.00	0.00	4.25	6.25	6.50	
77	THV.M08366	Đặng Thị Việt	Hà	30/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	3.50	1.25	7.00	11.75	12.00	
78	THV.M08368	Đình Thị	Hà	12/12/91	Nữ	Huyện ứng Hoà		2NT	903	4.50	1.00	6.00	11.50	11.50	
79	THV.M08371	Đỗ Thị Ngọc	Hà	07/10/89	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	5.00	1.00	6.00	12.00	12.00	
80	THV.M08372	Nguyễn Thị	Hà	07/09/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	2.00	0.50	3.50	6.00	6.00	
81	THV.M08373	Nguyễn Thị Thanh	Hà	07/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	903	5.50	1.00	6.25	12.75	13.00	
82	THV.M08374	Đỗ Thị	Hà	20/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	3.00	1.00	4.75	8.75	9.00	
83	THV.M08376	Bùi Thị Thu	Hà	16/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	903	3.00	0.25	6.00	9.25	9.50	
84	THV.M08377	Chu Hoàng	Hà	28/08/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	903	2.50	0.25	6.00	8.75	9.00	
85	THV.M08378	Trần Thị Thu	Hà	20/07/89	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	903	2.00	1.75	7.25	11.00	11.00	
86	THV.M08379	Nguyễn Thu	Hà	29/11/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	3.50	1.50	6.00	11.00	11.00	
87	THV.M08380	Phạm Thị	Hà	15/09/91	Nữ	Huyện Bắc Quang		1		1.50	0.00	5.25	6.75	7.00	
88	THV.M08382	Nguyễn Thị	Hà	20/11/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	903	1.50	1.50	5.50	8.50	8.50	
89	THV.M08384	Phùng Thị	Hải	18/05/89	Nữ	Huyện Tam Dương		2	903	3.50	1.00	6.75	11.25	11.50	
90	THV.M08385	Hoàng Thị	Hải	03/08/88	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	6.00	1.75	7.50	15.25	15.50	
91	THV.M08386	Nguyễn Thị	Hạnh	13/12/90	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	2.50	2.75	6.75	12.00	12.00	
92	THV.M08387	Nguyễn Hồng	Hạnh	25/12/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	903	4.50	1.25	6.50	12.25	12.50	
93	THV.M08389	Phạm Thị	Hạnh	12/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	5.00	1.50	4.75	11.25	11.50	
94	THV.M08391	Trần Thị	Hạnh	29/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	4.50	0.25	5.75	10.50	10.50	
95	THV.M08392	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	09/06/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	903	2.50	1.00	5.75	9.25	9.50	
96	THV.M08393	Ngô Thị Thu	Hạnh	16/12/91	Nữ	Huyện Mường Khương		1	903	2.50	1.25	5.75	9.50	9.50	
97	THV.M08396	Nguyễn Thị	Hạnh	16/12/91	Nữ	Huyện Trấn Yên	01	1	903	3.50	0.00	6.25	9.75	10.00	
98	THV.M08397	Phạm Thị	Hạnh	15/10/89	Nữ	Huyện Tam Dương	06	2NT	903	2.50	1.50	4.75	8.75	9.00	
99	THV.M08399	Nguyễn Thị Hồng	Hậu	26/07/91	Nữ	Huyện Lưông Sơn	01	1	903	3.50	1.00	5.75	10.25	10.50	

## THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
100	THV.M08401	Cao Thị	Hậu	20/09/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		4.00	1.50	7.00	12.50	12.50	
101	THV.M08402	Nguyễn Thị	Hậu	15/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	6.00	1.00	5.25	12.25	12.50	
102	THV.M08404	Phan Thị Hải	Hậu	25/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	4.00	0.75	6.00	10.75	11.00	
103	THV.M08405	Đình Thị	Hậu	20/05/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	903	1.50	1.25	4.75	7.50	7.50	
104	THV.M08406	Phạm Thuý	Hằng	20/06/90	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	903	4.00	1.50	6.00	11.50	11.50	
105	THV.M08408	Đàm Thị Thu	Hằng	17/05/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	903	4.50	1.00	5.75	11.25	11.50	
106	THV.M08409	Lù Thị	Hằng	14/02/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	903	2.00	0.25	4.75	7.00	7.00	
107	THV.M08410	Ngô Thị	Hằng	27/05/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		3.00	1.50	6.00	10.50	10.50	
108	THV.M08411	Vương Thị	Hằng	09/07/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		4.50	1.00	5.00	10.50	10.50	
109	THV.M08412	Phạm Thị Minh	Hằng	16/09/90	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	5.00	1.25	7.75	14.00	14.00	
110	THV.M08414	Đình Thị	Hằng	15/03/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		3.50	1.75	6.50	11.75	12.00	
111	THV.M08415	Phan Thị	Hằng	12/02/89	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		3.50	1.50	5.75	10.75	11.00	
112	THV.M08417	Phạm Thị Thanh	Hằng	12/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	903	4.00	1.00	6.50	11.50	11.50	
113	THV.M08418	Hoàng Thị	Hằng	25/07/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1		2.00	1.00	6.25	9.25	9.50	
114	THV.M08420	Nguyễn Thị	Hằng	05/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		3.50	1.50	4.25	9.25	9.50	
115	THV.M08423	Nguyễn Thị	Hằng	13/07/87	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	1.50	0.25	4.50	6.25	6.50	
116	THV.M08426	Tạ Thị	Hằng	27/09/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	4.00	3.75	7.75	15.50	15.50	
117	THV.M08427	Kim Thị	Hằng	05/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	4.00	2.25	5.25	11.50	11.50	
118	THV.M08428	Vũ Thị Thu	Hằng	21/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	3.00	1.25	4.75	9.00	9.00	
119	THV.M08429	Phùng Thị Ngọc	Hằng	28/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	4.50	1.25	5.25	11.00	11.00	
120	THV.M08430	Trần Thị	Hằng	29/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	4.50	1.25	5.50	11.25	11.50	
121	THV.M08432	Phạm Thị	Hiên	18/11/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	903	4.00	1.75	5.00	10.75	11.00	
122	THV.M08433	Vũ Thị	Hiệp	21/08/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	903	4.00	2.75	5.75	12.50	12.50	
123	THV.M08436	Đỗ Thị	Hiên	19/07/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	5.50	2.00	5.75	13.25	13.50	
124	THV.M08437	Khổng Thị	Hiên	25/07/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	2.00	0.25	4.25	6.50	6.50	
125	THV.M08438	Nguyễn Thị	Hiên	06/06/89	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	3.00	1.00	4.75	8.75	9.00	
126	THV.M08439	Trần Thị Thu	Hiên	25/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	02	1	903	1.50	0.50	5.75	7.75	8.00	
127	THV.M08440	Vùi Thị	Hiên	27/12/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		3.00	1.25	5.00	9.25	9.50	
128	THV.M08442	Nguyễn Thị Thu	Hiên	28/10/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	3.00	1.00	5.75	9.75	10.00	
129	THV.M08443	Hoàng Thu	Hiên	21/08/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		2.00	1.00	5.00	8.00	8.00	
130	THV.M08444	Lê Thị	Hiên	25/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	1.50	2.00	4.75	8.25	8.50	
131	THV.M08446	Lê Thị Thu	Hiên	23/07/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	903	3.00	0.75	5.00	8.75	9.00	
132	THV.M08447	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	22/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	903	3.00	1.00	6.50	10.50	10.50	

## THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
133	THV.M08448	Đặng Thị	Hiên	01/01/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	2.00	1.00	6.00	9.00	9.00	
134	THV.M08449	Hoàng Thị	Hiên	17/08/89	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	3.50	1.00	5.50	10.00	10.00	
135	THV.M08451	Trương Thị Thu	Hiên	28/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	903	3.00	1.50	5.00	9.50	9.50	
136	THV.M08453	Phan Thị Thu	Hiên	10/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	4.50	1.50	4.25	10.25	10.50	
137	THV.M08457	Nguyễn Thị	Hiên	24/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	5.00	0.50	4.50	10.00	10.00	
138	THV.M08459	Lý Thị	Hoa	12/10/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	903	5.50	0.00	6.00	11.50	11.50	
139	THV.M08460	Nông Thị	Hoa	15/10/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		4.00	0.75	3.75	8.50	8.50	
140	THV.M08462	Nguyễn Thị Yến	Hoa	26/09/91	Nữ	Huyện Hoàì Đức		2NT	903	3.50	0.50	4.00	8.00	8.00	
141	THV.M08463	Nguyễn Thị	Hoa	21/07/91	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2NT	903	5.00	0.25	5.50	10.75	11.00	
142	THV.M08464	Hoàng Thị Hạnh	Hoa	07/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	5.00	1.00		6.00	6.00	
143	THV.M08466	Lê Thị Yến	Hoa	23/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	903	3.00	1.25	5.00	9.25	9.50	
144	THV.M08467	Lê Thị	Hoa	24/10/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	5.00	1.75	6.75	13.50	13.50	
145	THV.M08468	Nguyễn Thị Như	Hoa	01/11/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		5.50	3.75	6.00	15.25	15.50	
146	THV.M08471	Phạm Thị Thanh	Hoa	11/08/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	903	5.50	2.50	4.75	12.75	13.00	
147	THV.M08475	Trần Thị	Hoà	22/08/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	5.50	1.25	5.75	12.50	12.50	
148	THV.M08477	Lê Thuý	Hoài	17/10/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	4.00	3.75	6.25	14.00	14.00	
149	THV.M08480	Phạm Thị	Hoài	17/03/91	Nữ	Huyện Bắc Hà		1		3.00	0.50	5.25	8.75	9.00	
150	THV.M08481	Phạm Thị	Hoàn	01/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	3.00	0.00	5.00	8.00	8.00	
151	THV.M08483	Giàng Thị	Hoàn	27/09/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	903	4.50	1.00	6.25	11.75	12.00	
152	THV.M08484	Hà Thị Khánh	Hòa	02/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	903	5.50	1.00	7.75	14.25	14.50	
153	THV.M08486	Lưu Thị Mai	Hồng	13/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	903	4.50	1.00	6.75	12.25	12.50	
154	THV.M08487	Tống Thị	Hồng	30/06/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1		3.50	0.00	3.00	6.50	6.50	
155	THV.M08489	Đào Thị	Hồng	08/08/87	Nữ	Huyện Mường Khương		1		5.50	1.00	5.00	11.50	11.50	
156	THV.M08490	Nguyễn Thị	Hồng	08/12/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	5.50	2.00	6.00	13.50	13.50	
157	THV.M08492	La Thị	Hồng	01/04/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	903	1.50	1.25	5.25	8.00	8.00	
158	THV.M08493	Nguyễn Thị Bích	Hợp	07/11/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		4.50	0.25	7.00	11.75	12.00	
159	THV.M08494	Phùng Thị Ngọc	Huân	27/11/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	903	4.00	1.25	6.75	12.00	12.00	
160	THV.M08496	Bùi Thị Ngọc	Huế	23/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	5.50	1.00	7.25	13.75	14.00	
161	THV.M08497	Nguyễn Thị	Huế	03/08/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	903	6.50	3.25	5.75	15.50	15.50	
162	THV.M08499	Bùi Thị Dáng	Huế	10/04/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	903	3.50	1.50	4.25	9.25	9.50	
163	THV.M08500	Cổ Thị	Huệ	08/03/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	2.50	1.00	5.25	8.75	9.00	
164	THV.M08501	Đỗ Thị	Huệ	21/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	3.50	1.25	5.00	9.75	10.00	
165	THV.M08502	Lê Thị	Huệ	14/02/91	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2NT	903	3.00	0.00		3.00	3.00	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
166	THV.M08504	Nguyễn Thị Huệ	15/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	903	6.50	1.00	6.75	14.25	14.50	
167	THV.M08505	Lục Thị Huệ	22/09/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	3.50	1.00	6.00	10.50	10.50	
168	THV.M08508	Hà Thị Huệ	22/05/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	903	4.50	0.50	4.25	9.25	9.50	
169	THV.M08509	Bùi Linh Huệ	29/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	4.50	2.00	5.75	12.25	12.50	
170	THV.M08511	La Thị Huệ	12/04/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	903	2.00	1.00	5.00	8.00	8.00	
171	THV.M08512	Nguyễn Thị Huệ	04/02/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		4.00	2.00	5.00	11.00	11.00	
172	THV.M08516	Hoàng Thị Huyền	30/12/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		5.50	1.25	5.00	11.75	12.00	
173	THV.M08517	Phạm Thị Thanh Huyền	28/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	6.00	1.25	7.00	14.25	14.50	
174	THV.M08519	Vũ Thị Huyền	02/10/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	903	4.50	1.50	6.00	12.00	12.00	
175	THV.M08521	Vi Thị Thương Huyền	17/07/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	5.00	1.00	5.00	11.00	11.00	
176	THV.M08522	Trần Thu Huyền	08/12/90	Nữ	Thị xã Hà Giang		1	903	2.50	0.25	5.75	8.50	8.50	
177	THV.M08523	Trần Thị Huyền	23/08/87	Nữ	Huyện Văn Bàn		1		3.50	1.00	6.00	10.50	10.50	
178	THV.M08524	Phạm Thị Huyền	12/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	7.00	1.00	5.25	13.25	13.50	
179	THV.M08525	Lý Thị Huyền	06/05/90	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	903	3.00	1.00	5.50	9.50	9.50	
180	THV.M08526	Nguyễn Thị Huyền	03/09/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	1.00	0.50	5.00	6.50	6.50	
181	THV.M08527	Phạm Thu Huyền	01/02/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		3.00	0.00	5.50	8.50	8.50	
182	THV.M08529	Phan Thị Thu Huyền	13/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	6.00	2.00	4.00	12.00	12.00	
183	THV.M08532	Đình Thị Thu Huyền	24/08/87	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	903	3.50	0.50	4.50	8.50	8.50	
184	THV.M08535	Trần Thị Thanh Huyền	23/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	903	3.00	1.00	6.25	10.25	10.50	
185	THV.M08536	Nguyễn Khánh Huyền	08/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	903	4.00	1.00	5.00	10.00	10.00	
186	THV.M08538	Phan Thị Thu Huyền	29/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	903	3.00	1.25	5.75	10.00	10.00	
187	THV.M08539	Nguyễn Thị Thanh Huyền	28/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	5.50	1.00	5.00	11.50	11.50	
188	THV.M08541	Kim Thị Huyền	07/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.00	0.25	4.75	8.00	8.00	
189	THV.M08542	Đào Thị Thu Huyền	01/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	3.50	0.25	4.75	8.50	8.50	
190	THV.M08543	Nguyễn Thị Thu Huyền	03/09/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	903	3.00	0.00	6.00	9.00	9.00	
191	THV.M08545	Lưu Thị Huyền	29/09/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		2.50	2.00	5.75	10.25	10.50	
192	THV.M08546	Vũ Thị Huyền	29/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	4.50	1.75	6.50	12.75	13.00	
193	THV.M08547	Nông Thị Huyền	24/11/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	903	6.00	1.25	6.00	13.25	13.50	
194	THV.M08550	Vương Thị Huyền	12/07/89	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		1.50	1.00	4.50	7.00	7.00	
195	THV.M08551	Vũ Thị Huyền	04/07/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	903	3.50	1.00	4.25	8.75	9.00	
196	THV.M08554	Nguyễn Thị Huyền	02/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	5.00	2.75	7.75	15.50	15.50	
197	THV.M08555	Nguyễn Thị Huyền	12/02/91	Nữ	Thị xã Hà Giang		1	903	4.00	1.00	7.00	12.00	12.00	
198	THV.M08556	Nguyễn Thị Huyền	05/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	3.50	1.00	5.50	10.00	10.00	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
199	THV.M08558	Vũ Thị Mai Hương	23/12/90	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	903	5.00	1.00	4.00	10.00	10.00	
200	THV.M08562	Thần Thị Thanh Hương	20/02/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		4.50	1.00	5.50	11.00	11.00	
201	THV.M08564	Phùng Thị Hương	13/10/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	903	4.00	1.00	5.75	10.75	11.00	
202	THV.M08566	Vũ Thị Thu Hương	28/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	2NT	903	5.50	0.75	4.75	11.00	11.00	
203	THV.M08568	Đình Thị Hương	22/08/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	903	3.50	0.25	5.00	8.75	9.00	
204	THV.M08569	Nguyễn Thị Hương	08/07/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	5.50	0.50	7.50	13.50	13.50	
205	THV.M08571	Nguyễn Thị Hương	17/08/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	4.00	1.75	5.00	10.75	11.00	
206	THV.M08572	Nguyễn Thị Thu Hương	22/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	6.00	1.75	6.75	14.50	14.50	
207	THV.M08576	Tô Thị Hương	07/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	4.50	1.00	6.00	11.50	11.50	
208	THV.M08577	Nguyễn Thị Thu Hương	21/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	5.00	0.00	6.00	11.00	11.00	
209	THV.M08579	Dương Thị Hương	16/12/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	903	4.00	0.00	5.00	9.00	9.00	
210	THV.M08580	Phạm Thị Thu Hương	01/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	5.50	0.50	6.75	12.75	13.00	
211	THV.M08584	Vũ Thị Bích Hương	02/06/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	5.50	1.75	6.50	13.75	14.00	
212	THV.M08587	Nguyễn Thị Hương	01/10/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	903	4.50	1.25	4.75	10.50	10.50	
213	THV.M08588	Dương Thị Hương	19/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	903	6.00	1.50	5.75	13.25	13.50	
214	THV.M08590	La Thị In	06/03/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	903	3.00	1.00	4.75	8.75	9.00	
215	THV.M08591	Phùng Thị Khanh	10/01/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	903	5.50	1.00	6.25	12.75	13.00	
216	THV.M08592	Đình Thị Khánh	02/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	903	6.50	0.25	5.00	11.75	12.00	
217	THV.M08595	Đặng Thị Khuyên	27/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	5.50	1.25	5.75	12.50	12.50	
218	THV.M08598	Lù Thị Khuyên	24/12/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	903	5.00	1.25	6.00	12.25	12.50	
219	THV.M08601	Phạm Thị Kiều	17/06/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	06	1	903	5.00	2.75	6.00	13.75	14.00	
220	THV.M08602	Trần Thị Kiều	26/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1		5.50	0.00	7.00	12.50	12.50	
221	THV.M08605	Nguyễn Thanh Lan	12/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	6.00	1.25	4.50	11.75	12.00	
222	THV.M08606	Bùi Thị Lan	10/02/90	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	903	4.00	1.75	7.25	13.00	13.00	
223	THV.M08607	Nguyễn Thị Lan	26/11/88	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	2.50	0.50	4.75	7.75	8.00	
224	THV.M08608	Tấn Thị Lan	01/01/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	903	7.00	1.25	6.50	14.75	15.00	
225	THV.M08611	Hoàng Thị Lan	16/07/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	3.50	1.25	5.25	10.00	10.00	
226	THV.M08612	Đặng Thị Lan	07/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	903	5.00	1.25	6.25	12.50	12.50	
227	THV.M08613	Trần Thị Lanh	17/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	2.50	0.25	7.00	9.75	10.00	
228	THV.M08616	Nguyễn Thị Lại	06/10/88	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	4.00	1.25	5.75	11.00	11.00	
229	THV.M08618	Bùi Thị Lâm	23/07/90	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	903	3.00	1.50	6.75	11.25	11.50	
230	THV.M08619	Bùi Thu Lê	24/08/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1		4.00	1.00	6.00	11.00	11.00	
231	THV.M08621	Triệu Thị Mỹ Lệ	02/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	903	4.50	1.75	7.00	13.25	13.50	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
232	THV.M08622	Chu Thị	Lệ	19/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	903	3.50	1.00	7.25	11.75	12.00	
233	THV.M08623	Phạm Thị	Lệ	20/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	5.50	2.50	5.00	13.00	13.00	
234	THV.M08626	La Thị	Liên	04/05/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	4.00	0.00	6.00	10.00	10.00	
235	THV.M08628	Vũ Thị	Liên	12/02/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		4.00	2.75	5.00	11.75	12.00	
236	THV.M08629	Nông Thị	Liên	04/12/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		2.50	1.00	4.00	7.50	7.50	
237	THV.M08630	Trần Thị	Liên	30/10/90	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1		3.50	1.00	5.25	9.75	10.00	
238	THV.M08632	Lý Thị Hương	Liên	26/04/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1		3.00	1.25	6.00	10.25	10.50	
239	THV.M08633	Chu Thị	Liên	18/01/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		4.00	0.25	5.75	10.00	10.00	
240	THV.M08634	Nguyễn Thị	Liên	03/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	4.00	1.50	6.25	11.75	12.00	
241	THV.M08635	Nguyễn Ngọc	Liên	02/04/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	903	3.50	1.00	6.00	10.50	10.50	
242	THV.M08636	Phan Thị	Liên	20/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	903	2.50	1.00	4.25	7.75	8.00	
243	THV.M08639	Trần Thị	Liên	18/12/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	903	5.50	1.25	6.25	13.00	13.00	
244	THV.M08641	Nguyễn Thị Kim	Liễu	14/12/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	5.00	1.25	7.25	13.50	13.50	
245	THV.M08642	Lưu Thị	Liễu	10/01/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	2.00	0.00	3.75	5.75	6.00	
246	THV.M08643	Nguyễn Thị	Liễu	19/07/89	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	2.00	1.25	5.00	8.25	8.50	
247	THV.M08644	Phạm Thị	Liễu	01/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	903	5.50	2.00	5.50	13.00	13.00	
248	THV.M08646	Lê Thị	Liễu	10/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	3.50	1.25	5.25	10.00	10.00	
249	THV.M08647	Phạm Thị	Liễu	12/06/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	3.00	1.25	6.75	11.00	11.00	
250	THV.M08648	Lã Thị	Linh	16/04/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	2.50	0.25	5.25	8.00	8.00	
251	THV.M08650	Dương Thị	Linh	15/05/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	3.50	2.00	8.25	13.75	14.00	
252	THV.M08651	Đỗ Thuỳ	Linh	11/09/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	3.50	0.00	4.75	8.25	8.50	
253	THV.M08652	Tấn Thị	Linh	24/11/92	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		3.00	0.00	5.75	8.75	9.00	
254	THV.M08653	Phạm Thị Nhất	Linh	15/11/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	3.50	6.25	5.50	15.25	15.50	
255	THV.M08656	Tạ Thị Yến	Linh	28/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	903	4.00	1.50	7.75	13.25	13.50	
256	THV.M08659	Phan Thị	Loan	25/08/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	903	5.00	1.00	5.00	11.00	11.00	
257	THV.M08661	Trần Thị	Loan	19/07/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		5.00	1.00	6.75	12.75	13.00	
258	THV.M08663	Lý Thị	Loan	02/10/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1		3.50	1.00	4.25	8.75	9.00	
259	THV.M08666	Trần Thị	Loan	05/11/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	903	4.50	1.75	6.00	12.25	12.50	
260	THV.M08668	Trần Thị	Loan	18/05/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	4.00	1.00	6.00	11.00	11.00	
261	THV.M08669	Phùng Thị	Loan	27/03/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	4.50	0.00	5.25	9.75	10.00	
262	THV.M08671	Đỗ Thị	Long	06/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	903	3.50	0.25	5.25	9.00	9.00	
263	THV.M08672	Phàn Thị	Lộc	05/12/92	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		3.00	0.25	5.75	9.00	9.00	
264	THV.M08673	Hù Thị	Lợi	14/05/88	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		4.00	0.25	5.75	10.00	10.00	

## THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
265	THV.M08674	Hoàng Thị	Lợi	11/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	3.00	0.25	4.00	7.25	7.50	
266	THV.M08675	Trương Thị	Luân	28/07/88	Nữ	Huyện Mường Khương		1	903	2.50	0.75	5.00	8.25	8.50	
267	THV.M08676	Nguyễn Thị	Luân	10/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	3.50	1.25	6.00	10.75	11.00	
268	THV.M08677	Nguyễn Thị	Luận	25/07/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	4.00	3.50	5.25	12.75	13.00	
269	THV.M08678	Đỗ Thị	Luận	07/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	3.50	1.75	5.00	10.25	10.50	
270	THV.M08680	Hoàng Thị	Luyến	18/02/91	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	903	3.00	0.50	5.25	8.75	9.00	
271	THV.M08682	Phạm Thị	Luyến	02/02/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	903	4.00	1.75	6.25	12.00	12.00	
272	THV.M08684	Lê Thị	Luyện	23/05/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	903	3.50	1.25	5.50	10.25	10.50	
273	THV.M08685	Nguyễn Thị	Lựa	01/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	3.50	1.00	7.00	11.50	11.50	
274	THV.M08688	Nguyễn Thị	Lương	12/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	903	3.50	3.75	5.00	12.25	12.50	
275	THV.M08689	Bùi Thị	Lương	08/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	903	1.50	0.00	4.50	6.00	6.00	
276	THV.M08690	Lý Thị	Lượ	20/12/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	3.50	1.00	5.50	10.00	10.00	
277	THV.M08691	Hà Hoàng Khánh	Ly	04/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	903	1.00	0.00	4.50	5.50	5.50	
278	THV.M08692	Vũ Thị	Ly	09/12/90	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	903	2.00	0.75	6.75	9.50	9.50	
279	THV.M08693	Đặng Trang	Ly	19/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	2.50	5.25	6.25	14.00	14.00	
280	THV.M08694	Nguyễn Khánh	Ly	14/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	903	4.00	1.50	6.25	11.75	12.00	
281	THV.M08695	Nguyễn Thị	Lý	15/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	4.50	0.25	6.00	10.75	11.00	
282	THV.M08696	Lã Thị Hồng	Lý	17/05/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	3.50	0.50	6.50	10.50	10.50	
283	THV.M08697	Trần Thị	Lý	12/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	2.00	5.75	7.00	14.75	15.00	
284	THV.M08699	Hoàng Thị	Mai	13/11/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	903	3.50	1.25	6.50	11.25	11.50	
285	THV.M08700	Trần Thị	Mai	01/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	903	4.00	2.25	4.75	11.00	11.00	
286	THV.M08701	Phạm Thị	Mai	23/06/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	903	5.00	1.50	5.00	11.50	11.50	
287	THV.M08702	Lê Thị	Mai	10/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	2.00	1.25	4.75	8.00	8.00	
288	THV.M08704	Triệu Ngọc	Mai	07/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	903	3.00	0.50	4.25	7.75	8.00	
289	THV.M08705	Nguyễn Thị	Mai	25/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	903	2.00	0.75	6.25	9.00	9.00	
290	THV.M08706	Ngô Thị Phương	Mai	03/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	5.50	1.00	5.50	12.00	12.00	
291	THV.M08708	Nguyễn Thị	Mai	28/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	903	3.50	0.50	5.25	9.25	9.50	
292	THV.M08710	Hà Thị Tuyết	Mai	05/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	903	3.00	1.00	6.75	10.75	11.00	
293	THV.M08711	Đỗ Thị	Mai	28/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	3.00	1.50	6.00	10.50	10.50	
294	THV.M08714	Lê Thị Hồng	Mây	02/10/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	903	6.00	1.00	5.50	12.50	12.50	
295	THV.M08715	Đỗ Thị	Mận	06/08/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	903	2.00	0.75	4.25	7.00	7.00	
296	THV.M08716	Đào Huyền	Mi	13/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	903	3.50	1.00	6.50	11.00	11.00	
297	THV.M08718	Hoàng Thị	Miên	27/04/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		6.00	1.25	6.00	13.25	13.50	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
298	THV.M08719	Nguyễn Thị	Minh	02/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		2.00	1.25	5.25	8.50	8.50	
299	THV.M08721	Hoàng Thị	Minh	04/05/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		4.50	0.50	5.75	10.75	11.00	
300	THV.M08722	Lương Thị	Mong	09/11/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	2.50	1.25	4.75	8.50	8.50	
301	THV.M08723	Lương Thị	Mơ	16/07/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1		2.00	1.00	5.75	8.75	9.00	
302	THV.M08724	Phạm Thị	Mơ	06/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		2.50	1.00	4.50	8.00	8.00	
303	THV.M08725	Nguyễn Thị	Mơ	01/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.00	1.25	5.50	9.75	10.00	
304	THV.M08726	Nguyễn Thị	Mùi	01/11/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	903	4.50	3.50	6.50	14.50	14.50	
305	THV.M08728	Phùng Thị	My	10/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	6.00	4.75	5.75	16.50	16.50	
306	THV.M08729	Lự Thị	Na	20/10/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		1.00	0.25	4.75	6.00	6.00	
307	THV.M08730	Đoàn Thị Ni	Na	26/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	4.00	0.75	6.50	11.25	11.50	
308	THV.M08731	Hoàng Thị	Na	12/01/91	Nữ	Huyện Quốc Oai		2NT	903	2.50	1.00	6.75	10.25	10.50	
309	THV.M08732	Lê Phương	Nam	06/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	2.00	2.25	5.75	10.00	10.00	
310	THV.M08734	Trần Thị	Nam	20/03/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	3.00	1.50	4.50	9.00	9.00	
311	THV.M08735	Hoàng Thị	Năm	05/08/89	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	903	2.00	0.00	4.50	6.50	6.50	
312	THV.M08736	Hoàng Thị Thuý	Nga	06/03/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	2.00	1.25	5.00	8.25	8.50	
313	THV.M08737	Chu Hồng	Nga	06/05/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		3.50	2.00	5.00	10.50	10.50	
314	THV.M08738	Lưu Thị	Nga	12/07/88	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		2.50	0.00	7.00	9.50	9.50	
315	THV.M08739	Nguyễn Thị	Nga	28/08/89	Nữ	Huyện Yên Bình		1	903	1.50	1.00	5.00	7.50	7.50	
316	THV.M08740	Nguyễn Thị Hằng	Nga	04/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	903	3.00	1.50	4.50	9.00	9.00	
317	THV.M08741	Đào Thị	Nga	20/07/90	Nữ	Huyện Lương Sơn		1	903	2.00	1.00	4.50	7.50	7.50	
318	THV.M08742	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	24/10/91		Huyện Lập Thạch		2NT	903	2.50	1.00	4.50	8.00	8.00	
319	THV.M08743	Hà Thuý	Nga	30/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	903	6.00	1.50	7.00	14.50	14.50	
320	THV.M08744	Nguyễn Thiên	Nga	09/09/90	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	903	5.00	2.25	6.75	14.00	14.00	
321	THV.M08745	Dương Thị	Nga	10/12/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	4.50	1.50	6.00	12.00	12.00	
322	THV.M08747	Lê Thị Quỳnh	Nga	10/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	3.50	1.50	7.00	12.00	12.00	
323	THV.M08748	Trần Thị Thanh	Nga	02/05/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	3.00	1.50	6.00	10.50	10.50	
324	THV.M08750	Nguyễn Thị	Nga	10/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	5.50	2.25	5.50	13.25	13.50	
325	THV.M08751	Vũ Phi	Nga	25/11/90	Nữ	Huyện Yên Bình		1	903	4.50	1.00	7.00	12.50	12.50	
326	THV.M08752	Hoàng Thị	Nga	27/10/91	Nữ	Huyện Quốc Oai		2NT	903	3.50	0.00	7.25	10.75	11.00	
327	THV.M08754	Trần Thị	Ngân	23/10/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	903	3.50	1.00	5.00	9.50	9.50	
328	THV.M08756	Lê Thị	Ngân	19/12/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		4.00	5.75	6.00	15.75	16.00	
329	THV.M08757	Phạm Thị	Ngân	14/05/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	3.00	0.25	6.00	9.25	9.50	
330	THV.M08762	Bùi Thị Bích	Ngọc	07/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	903	2.50	0.25	6.50	9.25	9.50	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
331	THV.M08763	Phan Thị Bích Ngọc	20/06/90	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	5.00	1.75	6.00	12.75	13.00	
332	THV.M08764	Trần Thị Bích Ngọc	28/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	903	4.00	2.00	4.75	10.75	11.00	
333	THV.M08765	Phùng Thị Ngọc	28/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	903	4.50	2.00	4.50	11.00	11.00	
334	THV.M08767	Trần Thị Bích Ngọc	25/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	4.00	1.75	6.00	11.75	12.00	
335	THV.M08768	Nguyễn Thị Ngọc	09/07/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		3.00	1.50	5.00	9.50	9.50	
336	THV.M08769	Đình Thị Ngọc	16/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	2.50	1.00	5.75	9.25	9.50	
337	THV.M08770	Phùng Thị Ngọc	14/11/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	5.00	6.00	6.25	17.25	17.50	
338	THV.M08771	Tạ Thị Hồng Ngọc	21/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	903	1.50	0.25	5.50	7.25	7.50	
339	THV.M08772	Đặng Thị Nguyên	25/02/89	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		4.00	1.00	6.00	11.00	11.00	
340	THV.M08773	Nông Thị Nguyệt	28/02/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	2.00	1.00	4.50	7.50	7.50	
341	THV.M08774	Lâm Thị Nguyễn	02/02/89	Nữ	Huyện Bắc Hà	01	1		2.00	1.00	4.50	7.50	7.50	
342	THV.M08775	Trần Thị Nguyệt	29/08/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1		4.00	1.00	5.50	10.50	10.50	
343	THV.M08777	Hà Thị Nguyệt	18/04/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	903	1.50	1.00	7.00	9.50	9.50	
344	THV.M08778	Nguyễn Thị Nguyệt	17/09/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	903	3.00	1.00	5.25	9.25	9.50	
345	THV.M08779	Nguyễn Thị Nguyệt	17/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.50	2.25	6.25	12.00	12.00	
346	THV.M08782	Nguyễn Thị Hoa Nhài	28/06/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	903	3.00	1.00	5.75	9.75	10.00	
347	THV.M08783	Lý Thị Nhân	05/02/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	903	3.00	2.75	5.75	11.50	11.50	
348	THV.M08785	Đào Thị Thu Nhã	19/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	903	1.00	1.00	4.75	6.75	7.00	
349	THV.M08786	Vàng Thị Nhật	26/09/90	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		3.00	1.00	4.00	8.00	8.00	
350	THV.M08789	Triệu Văn Nhi	04/11/89		Huyện Văn Bàn	01	1		2.00	1.00	5.75	8.75	9.00	
351	THV.M08791	Nguyễn Thị Nhung	13/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	3.00	1.25	6.25	10.50	10.50	
352	THV.M08794	Nguyễn Thị Nhung	16/11/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.00	1.00	4.50	8.50	8.50	
353	THV.M08795	Đặng Thị Nhung	05/05/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	5.50	0.25	7.75	13.50	13.50	
354	THV.M08797	Hồ Thị Nhung	20/04/90	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		2.00	1.00	5.25	8.25	8.50	
355	THV.M08798	Trương Thị Nhung	26/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		3.00	1.25	5.75	10.00	10.00	
356	THV.M08800	Trần Thị Nhung	14/08/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	3.00	1.75	6.00	10.75	11.00	
357	THV.M08803	Trần Thị Nhung	28/10/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	903	4.00	1.25	5.00	10.25	10.50	
358	THV.M08806	Phạm Thị Ninh	01/07/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		4.50	1.00	6.75	12.25	12.50	
359	THV.M08813	Hoàng Thị Oanh	10/06/86	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		1.00	0.25	4.00	5.25	5.50	
360	THV.M08814	Nguyễn Thị Oanh	02/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	1.50	2.00	5.75	9.25	9.50	
361	THV.M08815	Nguyễn Thị Oanh	22/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	3.00	0.50	5.00	8.50	8.50	
362	THV.M08818	Nguyễn Thị Oanh	04/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	903	3.00	0.25	4.75	8.00	8.00	
363	THV.M08819	Nguyễn Thị Kiều Oanh	22/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2NT	903	5.50	1.75	8.00	15.25	15.50	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
364	THV.M08820	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	26/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	903	4.50	2.25	4.75	11.50	11.50	
365	THV.M08821	Trần Thị Hồng	Phấn	07/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		5.00	2.75	5.75	13.50	13.50	
366	THV.M08824	Bùi Thị Thu	Phượng	15/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	903	5.00	0.25	4.25	9.50	9.50	
367	THV.M08826	Lương Thanh	Phượng	11/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	903	5.50	1.75	4.25	11.50	11.50	
368	THV.M08827	Lâm Thị	Phượng	10/07/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	903	5.50	1.25	6.00	12.75	13.00	
369	THV.M08829	Lương Thị	Phượng	15/03/91	Nữ	Huyện Mường Khương		1		4.00	1.75	5.00	10.75	11.00	
370	THV.M08830	Lê Thị	Phượng	27/04/89	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	903	4.00	3.50	5.50	13.00	13.00	
371	THV.M08833	Nguyễn Thị	Phượng	23/11/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	903	5.50	1.00	5.75	12.25	12.50	
372	THV.M08834	Đỗ Thị Hồng	Phượng	23/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	4.00	1.25	4.75	10.00	10.00	
373	THV.M08835	Nguyễn Thị Bích	Phượng	07/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	4.00	1.25	6.75	12.00	12.00	
374	THV.M08836	Nguyễn Thị	Phượng	31/12/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	4.50	1.25	4.25	10.00	10.00	
375	THV.M08837	Hoàng Thị	Phước	03/04/91	Nữ	Huyện Xín Mần	01	1	903	2.00	0.50	5.75	8.25	8.50	
376	THV.M08838	Trần Thị	Phượng	06/06/90	Nữ	Huyện Bát Xát		1		4.00	2.00	6.00	12.00	12.00	
377	THV.M08839	Ma Thị Hồng	Phượng	05/10/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	5.00	1.50	5.50	12.00	12.00	
378	THV.M08840	Hoàng Thị	Phượng	09/06/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	903	4.00	0.25	5.00	9.25	9.50	
379	THV.M08841	Hoàng Thị	Phượng	30/01/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	5.50	1.00	5.75	12.25	12.50	
380	THV.M08842	Giàng Thị	Phượng	21/10/90	Nữ	Huyện Bắc Hà	01	1		3.00	1.00	5.25	9.25	9.50	
381	THV.M08843	Nguyễn Thị	Phượng	04/02/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	5.00	1.00	5.75	11.75	12.00	
382	THV.M08844	Nguyễn Thị	Phượng	20/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	903	3.50	1.75	5.00	10.25	10.50	
383	THV.M08845	Trần Thị	Phượng	22/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.50	0.50	4.50	8.50	8.50	
384	THV.M08847	Nguyễn Thị	Phượng	02/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	03	1	903	7.50	1.75	6.00	15.25	15.50	
385	THV.M08848	Nguyễn Thị	Phúc	20/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	3.75	2.25	6.25	12.25	12.50	
386	THV.M08849	Trịnh Thị	Quyên	15/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	2.50	1.25	5.00	8.75	9.00	
387	THV.M08851	Trần Thị	Quyên	27/11/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		3.50	1.25	4.00	8.75	9.00	
388	THV.M08852	Nguyễn Thị	Quyên	12/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	903	4.00	0.75	5.50	10.25	10.50	
389	THV.M08853	Lù Thị	Quỳnh	10/03/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		3.50	1.00	5.75	10.25	10.50	
390	THV.M08855	Vũ Thị Thu	Quỳnh	10/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	4.50	1.00	7.00	12.50	12.50	
391	THV.M08856	Phạm Như	Quỳnh	05/03/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	903	3.00	1.00	5.00	9.00	9.00	
392	THV.M08857	Bùi Thị	Quỳnh	18/06/91	Nữ	Thành phố Vinh Yên		2	903	5.00	1.75	6.25	13.00	13.00	
393	THV.M08860	Lê Như	Quỳnh	02/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	903	5.50	1.00	5.00	11.50	11.50	
394	THV.M08863	Thạch Thị Phượng	Quỳnh	24/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	903	4.00	1.00	5.50	10.50	10.50	
395	THV.M08864	Lý Thị	Quỳnh	10/12/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		3.50	1.00	4.50	9.00	9.00	
396	THV.M08866	Hoàng Thị	Quỳnh	18/10/89	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		4.00	0.50	5.00	9.50	9.50	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
397	THV.M08867	Chiêu Thị	Rình	15/01/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		3.50	1.25	5.00	9.75	10.00	
398	THV.M08868	Nguyễn Thị Kiều	Sa	10/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	903	5.00	1.75	5.00	11.75	12.00	
399	THV.M08869	Nguyễn Thị Minh	Sao	26/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	903	3.50	0.25	4.00	7.75	8.00	
400	THV.M08870	Lê Hoàng Ngọc	Sáng	18/11/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	4.50	3.00	5.50	13.00	13.00	
401	THV.M08871	Phạm Thị	Sáng	14/07/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	3.00	1.75	6.50	11.25	11.50	
402	THV.M08874	Nguyễn Thị	Sen	11/11/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	903	5.50	2.50	5.75	13.75	14.00	
403	THV.M08875	Lý Thị	Sen	03/08/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	903	3.00	1.75	6.00	10.75	11.00	
404	THV.M08876	Nguyễn Thị	Sim	10/02/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	5.50	0.25	6.50	12.25	12.50	
405	THV.M08877	Hạng Thị	Sĩ	16/02/90	Nữ	Huyện Quán Bạ	01	1	903	3.50	0.25	5.25	9.00	9.00	
406	THV.M08878	Hoàng Thị	Soát	20/03/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		1.50	0.25	5.00	6.75	7.00	
407	THV.M08879	Sùng Thị	Sung	28/08/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		2.00	0.25	5.50	7.75	8.00	
408	THV.M08880	Giàng Thị	Súi	14/03/88	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		2.50	0.50	5.00	8.00	8.00	
409	THV.M08881	Nguyễn Thanh	Tâm	05/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	4.50	0.25	6.50	11.25	11.50	
410	THV.M08882	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	10/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	4.50	1.75	6.50	12.75	13.00	
411	THV.M08883	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	02/06/90	Nữ	TP. Việt Trì		1	903	3.00	1.25	4.50	8.75	9.00	
412	THV.M08885	Trịnh Thị	Tâm	13/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	903	3.50	1.00	5.75	10.25	10.50	
413	THV.M08886	Lãng Thị Đức	Tâm	09/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	1.50	1.50	6.00	9.00	9.00	
414	THV.M08887	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	13/01/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		2.50	0.25	4.75	7.50	7.50	
415	THV.M08888	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	09/11/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	903	5.00	0.50	6.75	12.25	12.50	
416	THV.M08889	Nguyễn Thị	Tân	17/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	2.50	1.75	4.50	8.75	9.00	
417	THV.M08890	Vi Thị	Tân	21/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	903	3.50	1.00	5.50	10.00	10.00	
418	THV.M08891	Nguyễn Thị	Tập	10/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	2.50	1.25	4.25	8.00	8.00	
419	THV.M08892	Trần Thị	Thanh	16/08/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	6.50	2.00	6.00	14.50	14.50	
420	THV.M08893	Phùng Thị Kim	Thanh	24/03/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	903	6.00	1.50	5.50	13.00	13.00	
421	THV.M08894	Lê Minh	Thanh	11/08/90	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	3.00	4.00	6.50	13.50	13.50	
422	THV.M08895	Vũ Thị	Thanh	03/09/89	Nữ	Huyện Mường Khương		1		1.00	1.00	5.25	7.25	7.50	
423	THV.M08897	Nguyễn Thị	Thanh	06/06/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	4.00	1.50	5.50	11.00	11.00	
424	THV.M08898	Nguyễn Giang	Thanh	17/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	903	3.50	0.25	6.00	9.75	10.00	
425	THV.M08899	Phạm Thị	Thao	21/07/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	903	4.50	1.50	6.75	12.75	13.00	
426	THV.M08900	Vấn Thị	Thành	02/09/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	2.00	1.50	4.50	8.00	8.00	
427	THV.M08902	Nguyễn Thị	Thành	10/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		4.00	0.50	5.00	9.50	9.50	
428	THV.M08903	Trần Thị Kim	Thành	10/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	1.50	0.25	5.00	6.75	7.00	
429	THV.M08904	Hoàng Thị	Thành	02/03/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	903	4.50	1.25	6.75	12.50	12.50	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
430	THV.M08905	Nguyễn Thị Thảo	09/01/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	1.50	1.25	5.00	7.75	8.00	
431	THV.M08906	Hoàng Phương Thảo	19/09/88	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		4.00	0.25	5.50	9.75	10.00	
432	THV.M08907	Lộc Thị Thảo	15/06/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1		4.00	1.00	4.75	9.75	10.00	
433	THV.M08909	Trương Thị Thảo	20/09/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	5.50	1.50	5.25	12.25	12.50	
434	THV.M08911	Hoàng Thị Phương Thảo	18/10/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		4.50	1.25	6.25	12.00	12.00	
435	THV.M08914	Phạm Thanh Thảo	13/03/91	Nữ	Huyện Mường Khương		1	903	5.00	1.00	6.00	12.00	12.00	
436	THV.M08916	Nguyễn Thị Hương Thảo	09/02/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	903	3.00	1.00	6.50	10.50	10.50	
437	THV.M08918	Hà Thị Thu Thảo	20/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	903	2.50	1.25	6.75	10.50	10.50	
438	THV.M08922	Nguyễn Thị Thảo	20/04/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	903	3.00	1.00	5.25	9.25	9.50	
439	THV.M08923	Nguyễn Thị Thảo	03/04/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	903	2.00	0.25	5.50	7.75	8.00	
440	THV.M08924	Hoàng Thị Phương Thảo	12/10/91	Nữ	Huyện Lương Sơn	01	1	903	4.50	0.25	5.75	10.50	10.50	
441	THV.M08925	Ngô Thị Hồng Thắm	21/10/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		4.00	1.25	5.75	11.00	11.00	
442	THV.M08926	Ngô Thị Thắm	20/05/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	903	4.50	0.25	5.00	9.75	10.00	
443	THV.M08928	Dương Thị Hồng Thắm	02/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	5.00	1.25	5.00	11.25	11.50	
444	THV.M08929	Nguyễn Thị Hồng Thắm	25/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	5.00	6.75	5.75	17.50	17.50	
445	THV.M08931	Nguyễn Thị Thắm	07/10/90	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1	903	3.00	1.25	5.25	9.50	9.50	
446	THV.M08932	Dương Thị Thắm	30/08/91	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	903	3.00	1.00	6.25	10.25	10.50	
447	THV.M08933	Đặng Thị Thắm	01/09/89	Nữ	Huyện Yên Bình		1	903	5.00	2.25	5.50	12.75	13.00	
448	THV.M08934	Nguyễn Thị Thắm	04/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	4.50	2.00	7.00	13.50	13.50	
449	THV.M08935	Đặng Thị Thêm	11/08/91	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1		2.50	0.25	5.25	8.00	8.00	
450	THV.M08936	Phạm Thị Thêm	03/06/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	903	3.50	1.00	7.00	11.50	11.50	
451	THV.M08937	Dương Thị Thanh Thêu	09/09/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	3.00	1.00	5.00	9.00	9.00	
452	THV.M08938	Vũ Thị Thêu	20/01/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		2.50	1.00	5.00	8.50	8.50	
453	THV.M08941	Hoàng Thị Mỹ Tho	16/08/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	4.50	1.50	6.75	12.75	13.00	
454	THV.M08942	Dương Thị Thoa	06/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	903	4.00	1.00	6.50	11.50	11.50	
455	THV.M08943	Hà Thị Thọai	23/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	903	4.00	0.25	5.00	9.25	9.50	
456	THV.M08944	Nguyễn Thị Trang Thơ	20/02/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1		4.00	1.00	5.50	10.50	10.50	
457	THV.M08945	Nguyễn Thị Thơm	24/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.00	2.00	6.50	11.50	11.50	
458	THV.M08946	Dương Thị Thơm	29/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	903	3.50	0.50	5.00	9.00	9.00	
459	THV.M08948	Chu Thị Thơm	03/09/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	3.00	4.00	6.50	13.50	13.50	
460	THV.M08949	Lê Thị Thơm	20/11/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	4.50	1.25	6.50	12.25	12.50	
461	THV.M08951	Nguyễn Thị Thu	03/04/91	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1		2.00	0.25	4.50	6.75	7.00	
462	THV.M08953	Lương Thị Thu	06/10/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	903	4.25	3.25	6.00	13.50	13.50	

## THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
463	THV.M08954	Nguyễn Thị Thu	05/05/90	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	2.50	1.25	5.75	9.50	9.50	
464	THV.M08955	Tăng Thị Hoài	13/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	903	3.50	1.00	7.75	12.25	12.50	
465	THV.M08958	Hà Thị Thu	19/06/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	3.00	1.00	5.50	9.50	9.50	
466	THV.M08959	Nguyễn Thị Hoài	06/08/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	06	1	903	1.00	0.25		1.25	1.50	
467	THV.M08960	Nguyễn Thị Thu	03/08/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	2.50	1.00	4.25	7.75	8.00	
468	THV.M08961	Hoàng Thị Thu	20/11/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	1.50	1.00	5.25	7.75	8.00	
469	THV.M08962	Vy Thị Thu	12/09/88	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		3.00	1.00	5.50	9.50	9.50	
470	THV.M08964	Lê Thị Minh	01/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	903	4.00	2.50	8.25	14.75	15.00	
471	THV.M08965	Hoàng Thị Thuần	16/07/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	903	4.00	1.25	5.75	11.00	11.00	
472	THV.M08966	Vũ Minh Thuận	01/12/85	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		1.00	0.25	6.00	7.25	7.50	
473	THV.M08967	Nguyễn Thị Thuận	11/05/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	04	1	903	3.00	2.00	5.50	10.50	10.50	
474	THV.M08970	Ma Thị Thuyết	18/12/90	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1		3.00	0.25	4.75	8.00	8.00	
475	THV.M08971	Lê Phương Thuý	04/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	903	4.50	2.25	6.25	13.00	13.00	
476	THV.M08972	La Thị Thuý	21/05/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	01	1	903	3.00	0.50	5.25	8.75	9.00	
477	THV.M08973	Đặng Thị Thuý	01/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	3.00	1.25	5.00	9.25	9.50	
478	THV.M08975	Bùi Thị Thuý	29/07/91	Nữ	Huyện Quốc Oai		2NT	903	3.50	0.25	6.75	10.50	10.50	
479	THV.M08977	Nguyễn Thị Thuý	13/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.00	0.25	5.50	8.75	9.00	
480	THV.M08979	Phạm Thị Thuý	02/04/91	Nữ	Huyện Mường Khương		1	903	4.00	0.25	4.75	9.00	9.00	
481	THV.M08980	Phùng Thị Thanh	04/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	5.00	0.25	5.75	11.00	11.00	
482	THV.M08981	Lân Thị Thuý	30/04/89	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	903	5.50	1.25	6.50	13.25	13.50	
483	THV.M08982	Trương Thị Thuý	26/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	3.00	0.25	4.75	8.00	8.00	
484	THV.M08983	Hoàng Thị Thuý	04/04/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	903	2.00	0.25	5.75	8.00	8.00	
485	THV.M08984	Lê Thị Thuý	19/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	4.00	0.25	4.75	9.00	9.00	
486	THV.M08986	Lê Thị Thuý	29/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	5.00	2.50	4.50	12.00	12.00	
487	THV.M08988	Dương Thị Thuý	10/07/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	2.50	0.75	4.75	8.00	8.00	
488	THV.M08989	Hà Thị Thuý	05/11/89	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	4.00	1.50	5.25	10.75	11.00	
489	THV.M08992	Hoàng Thị Thuý	12/04/88	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		3.00	1.25	6.25	10.50	10.50	
490	THV.M08995	Nguyễn Thị Thuý	17/03/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	2.50	3.00	5.25	10.75	11.00	
491	THV.M08996	Đàm Thị Thu	17/07/90	Nữ	Huyện Bắc Hà		1	903	6.00	1.00	5.00	12.00	12.00	
492	THV.M08998	Hoàng Thị Thanh	04/01/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		3.25	1.25	5.50	10.00	10.00	
493	THV.M08999	Nguyễn Thị Thuý	17/07/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		2.50	0.25	5.75	8.50	8.50	
494	THV.M09001	Phạm Thị Thuý	16/03/90	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	2.75	1.50	6.75	11.00	11.00	
495	THV.M09002	Phạm Thị Phương Thùy	06/05/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	4.00	1.25	5.75	11.00	11.00	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
496	THV.M09003	Thàn Thị	Thủy	10/02/89	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	903	2.00	1.50	5.75	9.25	9.50	
497	THV.M09004	Lê Thị	Thủy	25/12/90	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	4.00	3.00	6.75	13.75	14.00	
498	THV.M09008	Hồ Thị	Thương	20/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	903	4.00	1.50	3.75	9.25	9.50	
499	THV.M09011	Đỗ Thị	Thương	10/05/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	04	1		2.00	0.25	3.75	6.00	6.00	
500	THV.M09012	Nguyễn Thị	Thương	12/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	4.00	1.50	5.50	11.00	11.00	
501	THV.M09014	Hoàng Thị	Thường	20/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.00	2.25	4.50	9.75	10.00	
502	THV.M09015	Vương Thị	Thường	19/11/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		4.50	1.00	6.00	11.50	11.50	
503	THV.M09016	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	05/11/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		5.00	0.50	7.00	12.50	12.50	
504	THV.M09017	Vũ Duy	Tiến	23/05/90		Huyện Bảo Thắng		1	903	2.50	0.50	7.25	10.25	10.50	
505	THV.M09019	Mộc Thị	Tiến	19/02/89	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1		4.50	1.75	4.75	11.00	11.00	
506	THV.M09020	La Thị	Tiếp	18/04/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	3.50	0.25	5.75	9.50	9.50	
507	THV.M09021	Trần Thương	Tín	28/04/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	903	4.00	0.00	5.50	9.50	9.50	
508	THV.M09022	Trương Thị	Tình	02/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	3.00	1.25	6.00	10.25	10.50	
509	THV.M09025	Lý Thị Hồng	Toán	27/09/91	Nữ	Thị xã Hà Giang	01	1		4.00	0.00	5.75	9.75	10.00	
510	THV.M09029	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	903	3.50	0.00	5.00	8.50	8.50	
511	THV.M09030	Nguyễn Thị Kiều	Trang	20/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	3.00	1.25	7.00	11.25	11.50	
512	THV.M09031	Đỗ Thị	Trang	27/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	903	3.50	0.75	4.50	8.75	9.00	
513	THV.M09032	Ngô Thị Thuỳ	Trang	20/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	3.00	2.50	5.50	11.00	11.00	
514	THV.M09034	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	09/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	903	5.00	3.00	6.00	14.00	14.00	
515	THV.M09035	Nguyễn Thị	Trang	25/06/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		4.00	0.00	5.50	9.50	9.50	
516	THV.M09037	Phạm Thị	Trang	07/07/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	3.00	0.75	3.75	7.50	7.50	
517	THV.M09039	Vũ Thị Thu	Trang	04/02/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	3.50	1.00	5.50	10.00	10.00	
518	THV.M09042	Nguyễn Thị	Trang	28/12/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	903	3.50	1.25	6.00	10.75	11.00	
519	THV.M09043	Lê Thị	Trang	15/10/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	3.00	1.50	4.25	8.75	9.00	
520	THV.M09044	Nguyễn Thị Diệu	Trang	07/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	2.50	1.25	6.00	9.75	10.00	
521	THV.M09045	Nguyễn Hà	Trang	27/09/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	903	4.00	1.00	5.00	10.00	10.00	
522	THV.M09046	Hà Huyền	Trang	15/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	903	5.00	1.50	5.75	12.25	12.50	
523	THV.M09047	Ngô Thị	Trang	26/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	903	4.00	4.00	7.00	15.00	15.00	
524	THV.M09048	Nguyễn Thị Kiều	Trang	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	903	5.00	1.00	7.00	13.00	13.00	
525	THV.M09049	Lê Thị Minh	Trang	10/03/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	903	5.00	2.00	6.50	13.50	13.50	
526	THV.M09053	Phạm Thị	Trang	06/11/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	5.00	1.50	6.00	12.50	12.50	
527	THV.M09054	Lưu Thị Thu	Trang	07/11/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	3.50	4.75	5.25	13.50	13.50	
528	THV.M09055	Đỗ Thị	Trang	21/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	903	4.00	1.25	5.00	10.25	10.50	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
529	THV.M09056	Phạm Thùy	Trang	26/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	4.50	0.75	5.75	11.00	11.00	
530	THV.M09057	Lê Thị Hương	Trà	17/10/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	903	3.00	1.00	5.75	9.75	10.00	
531	THV.M09058	Hoàng Việt	Trình	27/10/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	3.00	1.00	5.50	9.50	9.50	
532	THV.M09060	Vương Thị	Trình	12/04/92	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	903	3.00	2.00	3.50	8.50	8.50	
533	THV.M09062	Nguyễn Văn	Tuấn	27/05/90		Huyện Bảo Yên		1		3.50	1.00	6.00	10.50	10.50	
534	THV.M09065	Trần Thị Kim	Tuyển	14/01/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	903	4.50	1.50	5.75	11.75	12.00	
535	THV.M09066	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	14/08/91	Nữ	Huyện Tam Dương		1	903	4.00	2.25	5.50	11.75	12.00	
536	THV.M09067	Tạ Thị	Tuyển	10/09/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	3.50	1.00	5.25	9.75	10.00	
537	THV.M09068	Dương Thị Kim	Tuyển	12/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	5.00	1.50	5.50	12.00	12.00	
538	THV.M09070	Đỗ Thị	Tuyển	25/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	903	2.50	1.00	5.50	9.00	9.00	
539	THV.M09071	Lương Thị	Tuyết	26/08/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1		3.00	2.25	5.50	10.75	11.00	
540	THV.M09072	Đỗ Thị	Tuyển	14/07/91	Nữ	Huyện Mường Khương		1		3.00	1.00	5.50	9.50	9.50	
541	THV.M09073	Trần Thị	Tú	17/08/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	903	3.00	1.00	5.25	9.25	9.50	
542	THV.M09075	Đỗ Thị	Tư	23/05/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	903	3.50	1.50	5.50	10.50	10.50	
543	THV.M09078	Triệu Lê	Vân	12/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	903	3.00	1.50	7.00	11.50	11.50	
544	THV.M09079	Nguyễn Hải	Vân	20/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	903	2.50	1.75	6.00	10.25	10.50	
545	THV.M09080	Cao Thị	Vân	28/04/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1		5.50	0.00	6.00	11.50	11.50	
546	THV.M09081	Nguyễn Thị Thanh	Vân	15/01/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	903	5.00	0.25	5.25	10.50	10.50	
547	THV.M09083	Đình Thị	Vân	22/10/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	903	3.00	0.50	4.75	8.25	8.50	
548	THV.M09084	Hoàng Thị	Vân	27/08/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	1.00	1.00	4.75	6.75	7.00	
549	THV.M09085	Tô Thị	Vân	24/08/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		5.00	1.00	6.00	12.00	12.00	
550	THV.M09086	Phùng Thị ánh	Vân	11/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	6.50	3.50	5.00	15.00	15.00	
551	THV.M09089	Đỗ Thị	Vân	20/05/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	3.00	0.25	4.25	7.50	7.50	
552	THV.M09090	Nguyễn Thị	Vân	25/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	1.50	1.00	5.00	7.50	7.50	
553	THV.M09092	Triệu Thị	Viên	08/10/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		4.50	1.50	4.00	10.00	10.00	
554	THV.M09094	Đỗ Thị	Việt	21/01/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	3.50	0.25	5.50	9.25	9.50	
555	THV.M09095	Lê Thị Bích	Việt	02/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	903	5.50	2.00	6.25	13.75	14.00	
556	THV.M09098	Cổ Thị	Vui	10/05/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	2.00	1.00	5.75	8.75	9.00	
557	THV.M09100	Lý Thị	Vùng	02/02/90	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	903	1.50	0.00	5.00	6.50	6.50	
558	THV.M09101	Ma Thị	Xim	14/11/89	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	4.50	1.25	6.50	12.25	12.50	
559	THV.M09103	Đỗ Thị Mai	Xuân	02/01/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	903	4.50	1.00	7.50	13.00	13.00	
560	THV.M09106	Nguyễn Thị	Xuân	05/05/91	Nữ	Huyện Chương Mỹ		2NT	903	4.00	2.50	6.75	13.25	13.50	
561	THV.M09108	Bùi Ngọc	Xuân	29/01/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	903	4.50	4.75	6.75	16.00	16.00	

THV M Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
562	THV.M09109	Trần Thị	Xuân	16/07/90	Nữ	Huyện Mường Khương		1		0.50	0.00	5.00	5.50	5.50	
563	THV.M09110	Lê Thanh	Xuân	14/02/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	903	3.00	1.25	5.75	10.00	10.00	
564	THV.M09112	Nguyễn Thị	Xuân	03/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	3.50	0.25	4.00	7.75	8.00	
565	THV.M09114	Trần Thị	Xuyên	10/08/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		5.50	1.75	5.75	13.00	13.00	
566	THV.M09115	Lự Thị	Xuyên	15/07/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	903	3.50	1.25	5.75	10.50	10.50	
567	THV.M09117	Nguyễn Thị	Xuyên	15/05/89	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		2.00	0.25	5.75	8.00	8.00	
568	THV.M09118	Nguyễn Thị	Xuyên	13/02/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	903	5.50	1.75	6.00	13.25	13.50	
569	THV.M09119	Nguyễn Thị	Yên	17/11/91	Nữ	Thị xã Hà Giang	01	1		4.50	1.00	5.50	11.00	11.00	
570	THV.M09123	Kim Thị Hải	Yến	02/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	903	6.50	3.25	5.75	15.50	15.50	
571	THV.M09124	Trần Thị	Yến	04/05/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	903	2.00	0.25	4.50	6.75	7.00	
572	THV.M09125	Nguyễn Thị	Yến	18/08/91	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	903	4.00	2.25	4.75	11.00	11.00	
573	THV.M09126	Nguyễn Hải	Yến	13/08/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	903	5.50	1.00	7.00	13.50	13.50	
574	THV.M09127	Nguyễn Thị Hải	Yến	11/11/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	903	4.00	1.50	5.25	10.75	11.00	
575	THV.M09128	Đỗ Thị Ngọc	Yến	20/12/90	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	903	3.00	0.50	5.75	9.25	9.50	
576	THV.M09131	Bùi Thị	Yến	13/04/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	903	4.50	1.25	5.25	11.00	11.00	
577	THV.M09133	Đoàn Thị	Yến	23/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	903	6.50	1.00	6.75	14.25	14.50	
578	THV.M09134	Lê Thị Hồng	Yến	14/10/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	903	5.50	1.25	6.50	13.25	13.50	
579	THV.M09135	Đặng Thị	Yến	10/05/91	Nữ	Huyện Mường Khương		1	903	5.50	1.25	5.50	12.25	12.50	

Danh sách khối M gồm: 579 thí sinh